

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm
về chính sách hỗ trợ tạo việc làm**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 1526/QĐ-TTG ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Điểm c Khoản 3 Điều 9 và điểm b Khoản 4 Điều 9, Khoản 10 Điều 9, Điểm b Khoản 2 Điều 10, Khoản 4 Điều 11, Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14, Khoản 1 Điều 55 giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, các quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm đã được ban hành tương đối đầy đủ và chặt chẽ, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật về việc làm, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện các chính sách cho vay giải quyết việc làm; chính sách việc làm công; hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động thanh niên và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Kết quả, tính đến tháng 31 tháng 7 năm 2024, tổng dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm đạt trên 102.217,551 tỷ đồng, là chương trình có dư nợ lớn nhất, chiếm 29,14% tổng dư nợ các chương trình tín dụng đang triển khai tại NHCSXH (*trong đó, dư nợ từ Quỹ quốc gia về việc làm khoảng 4.530 tỷ đồng; nguồn vốn do NHCSXH huy động khoảng 59.308 tỷ đồng và nguồn vốn của địa phương (63/63 tỉnh, thành phố; 100% các huyện) đã ủy thác cho vay qua NHCSXH khoảng 38.378 tỷ đồng*).

Giai đoạn 2016-2020, cả nước hỗ trợ tạo, duy trì và mở rộng việc làm (*tính riêng từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của NHCSXH*) cho 728.939 lao động; năm 2021, doanh số cho vay đạt 10.044 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 308.410 người lao động; năm 2022, doanh số cho vay (*từ tất cả các nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm*) đạt 35.569 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 1,7 triệu lao động; năm 2023, doanh số cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của NHCSXH là 29.852,98 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho trên 546 nghìn lao động; năm 2024, doanh số cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của NHCSXH đạt 22.625,74 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 375.055 lao động và 6 tháng đầu năm 2025, doanh số cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của NHCSXH đạt trên 17.443 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 234.070 lao động. Thông qua nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm, nhiều lao động nông thôn, lao động nữ, lao động yếu thế đã được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho bản thân và cộng đồng (*lao động nông thôn khoảng 90%, lao động nữ chiếm khoảng 55%, lao động là người dân tộc thiểu số khoảng 10%, lao động là người khuyết tật khoảng 4-5%*).

Giai đoạn 2016 - 2020, cả nước có trên 5 triệu lao động nông thôn được đào tạo nghề các cấp (*80% được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp dưới 3 tháng*); thông qua các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp-Việc làm và An toàn lao động, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, Chương trình mở rộng quy mô và vệ sinh nước sạch nông thôn vay vốn từ Ngân hàng Thế giới (*thực hiện tại 21 tỉnh*) ... bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình, các hoạt động, dự án với yêu cầu

không cao về mặt kỹ thuật đã chú trọng ưu tiên, sử dụng lao động tại chỗ, trong thời gian nông nhàn. Qua tổng hợp báo cáo sơ bộ của các địa phương, thông qua các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia đã góp phần tạo việc làm tạm thời, cải thiện sinh kế cho hàng trăm nghìn lao động, nhất là lao động tại chỗ, vừa đảm bảo các mục tiêu theo từng dự án, hoạt động, vừa lồng ghép thực hiện cơ chế chính sách việc làm công.

Giai đoạn 2015 - 2019, theo báo cáo 39/63 địa phương, có 156 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho thanh niên với tổng số thẻ tiếp nhận là 204.279 thẻ, đào tạo 42 ngành nghề (*chủ yếu là lái xe ô tô các hạng, ngành nghề cơ khí, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa, sửa chữa ô tô, cắt gọt kim loại*), bình quân khoảng 40.000 người/năm.

Giai đoạn 2016-2020, cả nước đưa được 627 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng¹, bình quân 125 nghìn lao động/năm, tập trung chủ yếu tại các thị trường có thu nhập tốt, công việc ổn định như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, ... Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhiều TTLĐ nước ngoài đã tạm ngừng hoặc hạn chế tiếp nhận lao động Việt Nam nhập cảnh nên số lượng đưa đi giảm sút nhiều (*45 nghìn lao động*). Tuy nhiên, đến năm 2022, nhiều quốc gia đã mở cửa tạo cơ hội đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (*năm 2022 là 142.779 lao động; năm 2023 là 159.986 lao động, 7 tháng đầu năm 2024 là gần 90 nghìn lao động*), góp phần quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, đồng thời, là một nguồn cung lao động chất lượng khi về nước;

2.2. Tồn tại, hạn chế và một số vấn đề đặt ra

Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ*) quy định về quản lý và sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm. Tuy nhiên, Quỹ quốc gia về việc làm không có tổ chức bộ máy, không phải là một tổ chức có hoạt động độc lập, không có tư cách pháp nhân, không có báo cáo tài chính riêng ... như các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Trình tự thủ tục cho vay giải quyết việc làm còn một số hạn chế, cụ thể: thẩm quyền thẩm định hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm giao Ngân hàng Chính sách xã hội; thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm giao Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình dẫn đến thời gian thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn bị kéo dài.

¹ Năm 2016: 126 nghìn lao động, năm 2017: 134 nghìn lao động, năm 2018: 142 nghìn lao động, năm 2019: 147 nghìn lao động, năm 2020: 78 nghìn lao động

Mức vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm còn thấp (tối đa 100 triệu đồng/người lao động, 2 tỷ đồng/dự án cơ sở sản xuất, kinh doanh) chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh tạo việc làm đặc biệt trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động, chi phí đầu vào tăng cao.

Quỹ quốc gia về việc làm cũng chưa được bổ sung nguồn vốn để cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Bên cạnh đó, vẫn còn một số doanh nghiệp tuyển dụng lao động chưa đúng với quy định hoặc tuyển dụng lao động không phù hợp với công việc, dẫn đến việc người lao động đã vay vốn tại ngân hàng, nhưng không đi được hoặc người lao động không đáp ứng được công việc phải về nước trước hạn. Mặt khác, hợp đồng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài ký giữa doanh nghiệp và người lao động thiếu thông tin về các khoản chi phí người lao động trước khi đi, khiến cho việc vay vốn của người lao động gặp khó khăn, ngân hàng không đủ căn cứ để giải ngân vốn vay cho người lao động. Việc giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa người lao động và doanh nghiệp còn chậm, chưa minh bạch dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu ảnh hưởng đến nguồn vốn cho vay đi làm việc ở nước ngoài tại ngân hàng Chính sách xã hội. Ngoài ra, một số địa phương xây dựng chế độ, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài riêng của địa phương, bao gồm cả việc hỗ trợ cho vay vốn bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài, mức vay vốn tối đa lên đến 200 triệu đồng (không có tài sản đảm bảo). Tuy nhiên, việc triển khai còn gặp vướng mắc do các quy định cho vay và quản lý vốn vay tại ngân hàng Chính sách xã hội.

Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Đồng thời, hiện nay các đối tượng này thường tập trung học nghề tại các thành phố lớn nên ngân sách địa phương này phải chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, gây áp lực ngân sách cho các thành phố này (*một số địa phương không thực hiện thanh toán cho thanh niên không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn*) và chưa tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước về nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách. Nhiều địa phương chưa cân đối được ngân sách nên rất khó khăn trong việc quyết toán chi hỗ trợ nhiều địa phương không dự kiến được nhu cầu và nguồn kinh phí triển khai thực hiện chính sách.

Hiệu quả thực hiện chính sách việc làm công chưa cao do nguồn lực phân bổ nhỏ trong khi việc kết hợp, lồng ghép các chương trình chưa được quan tâm đúng mức (*phụ thuộc nhiều vào chủ đầu tư*). Đối với các chương trình cần thực hiện thông qua hình thức đấu thầu, các nhà thầu thường không ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ;

Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động còn hạn chế, chưa được một số địa phương quan tâm đúng mức; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động gặp một số vướng mắc,

khó thực hiện (ví dụ, việc cung cấp đầy đủ các hồ sơ, hóa đơn, biên lai ...); một số vấn đề liên quan việc thanh quyết toán hợp đồng đặt hàng đào tạo phụ thuộc vào tỷ lệ lao động được đào tạo xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài nên chưa thu hút các doanh nghiệp tham gia ...

Do đó, việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Thể chế hoá các chủ trương, quan điểm của Đảng, nhất là các vấn đề liên quan tại Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chỉ thị số 40-CT/TW và Chỉ thị số 20-CT/TW; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp của hệ thống pháp luật có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Quy định chi tiết các nội dung giao Chính phủ quy định tại khoản 10 Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 55 Luật Việc làm năm 2025.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Tạo điều kiện thuận lợi để mọi người lao động, trong đó có lao động không có quan hệ lao động được tham gia và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

- Kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính khả thi, dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bổ sung những quy định mới phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương theo tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Nội vụ có Công văn số .../BNV-CVL gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức cơ liên quan.

Đến nay, Bộ Nội vụ đã nhận được ý kiến góp ý của ... bộ, cơ quan ngang Bộ, các tổ chức ở Trung ương; ... Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Bản\ tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo*).

2. Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ đề xin ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

3. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Nội vụ có Công văn số .../BNV-CVL gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Tư pháp có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm bao gồm:

- Điểm a Khoản 3 Điều 9 về cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Điểm c Khoản 3 Điều 9 và điểm b Khoản 4 Điều 9 về người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Khoản 10 Điều 9 về lãi suất cho vay, mức vay, thời hạn cho vay, hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn và điều kiện bảo đảm tiền vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài.

- Điểm b Khoản 2 Điều 10 về hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn.

- Khoản 4 Điều 11 về việc thực hiện chính sách việc làm công.

- Khoản 1 Điều 12 về hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên.

- Khoản 2 Điều 14 về chế độ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Khoản 1 Điều 55 về chuyển nguồn Quỹ quốc gia về việc làm thành nguồn ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Luật Việc làm.

- Người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Lao động.

- Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm bao gồm 7 Chương 34 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4): Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Thẩm quyền hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chương II. Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, gồm 6 Điều (từ Điều 5 đến Điều 10): Mức vay; Thời hạn vay vốn; Lãi suất vay vốn; Điều kiện bảo đảm tiền vay; Hồ sơ vay vốn; Trình tự, thủ tục vay vốn.

- Chương III. Cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gồm 6 Điều (từ Điều 11 đến Điều 16): Mức vay; Điều kiện bảo đảm tiền vay; Thời hạn vay vốn; Lãi suất vay vốn; Hồ sơ vay vốn; Trình tự, thủ tục vay vốn.

- Chương IV. Chính sách việc làm công, gồm 5 Điều (từ Điều 17 đến Điều 21): Thông báo dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công; Đăng ký tham gia chính sách việc làm công; Lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công; Chế độ đối với người lao động tham gia chính sách việc làm công; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng.

- Chương V. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên, gồm 5 Điều (từ Điều 22 đến Điều 26): Nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo nghề; Điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề; Hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề; Trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề; Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề.

- Chương VI. Chế độ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gồm 4 Điều (từ Điều 27 đến Điều 30): Nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Trình tự, thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Kinh phí thực hiện.

- Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 4 Điều (từ Điều 31 đến Điều 34): Hiệu lực thi hành; Trách nhiệm tổ chức thi hành; Chuyển nguồn Quỹ quốc gia về việc làm thành nguồn ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội; Điều khoản chuyển tiếp.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Những nội dung giữ nguyên so với quy định hiện hành

- Đối tượng áp dụng (Điều 2).
- Thời hạn vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (Điều 6).
- Mức vay, thời hạn vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Điều 11, Điều 13).

- Thông báo, đăng ký, lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công (Điều 17, Điều 18, Điều 19).

3.2. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Nâng mức vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với người lao động lên 200 triệu đồng; mức vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh lên 10 tỷ đồng (Điều 5).

- Sửa đổi lãi suất hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với đối tượng nói chung bằng 125% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (*trước đây là lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo*) và lãi suất hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với các đối tượng ưu đãi về lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo (*trước đây bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo*) (Điều 7).

- Sửa đổi lãi suất hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng 125% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo, lãi suất đối với các đối tượng ưu đãi về lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (*trước đây lãi suất cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo, áp dụng chung cho các đối tượng: người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân của người có công với cách mạng*) (Điều 14).

- Nâng mức vay phải bảo đảm tiền vay đối với vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lên trên 200 triệu đồng để phù hợp với quy định về việc nâng mức vay của người lao động (Điều 8, Điều 12).

- Sửa đổi các quy định về hồ sơ vay vốn; trình tự, thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo hướng đơn giản hoá thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền (Điều 9, Điều 10, Điều 15, Điều 16).

- Sửa đổi quy định về điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với người lao động là thanh niên để đảm bảo phù hợp với các đối tượng hỗ trợ khác (Điều 23); sửa đổi quy định về kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề, kinh phí hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đảm bảo phù hợp với Luật Việc làm năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đất đai (Điều 25, Điều 30).

3.3. Những nội dung bổ sung

So với Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm đề xuất bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

- Bổ sung phạm vi điều chỉnh của Nghị định: người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn; chuyển nguồn Quỹ quốc gia về việc làm thành nguồn ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm (Điều 2).

- Bổ sung quy định về thẩm quyền hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền và phù hợp với Luật Tổ chức Chính quyền địa phương (Điều 4).

- Bổ sung thông tin đăng ký tham gia chính sách việc làm công; quy định chi tiết về chế độ đối với người lao động tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công theo hình thức lựa chọn nhà thầu là tham gia thực hiện của cộng đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng trên cơ sở kế thừa các quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH (Điều 18, Điều 20, Điều 21).

- Bổ sung quy định về nội dung và mức chi, điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, quy định chi tiết về nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo cho thanh niên trên cơ sở tiếp thu các quy định của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH và có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn. (Điều 22, Điều 23).

- Bổ sung các quy định về hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề; trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên trên cơ sở tiếp thu một số quy định của Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH, đồng thời sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, chủ trương đơn giản hoá thủ tục hành chính (Điều 24, Điều 25).

- Bổ sung quy định chi tiết về nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trên cơ sở tiếp thu một số quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC và có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Việc làm năm 2025 và phù hợp với thực tiễn (Điều 27).

- Bổ sung các quy định về hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trình tự, thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên cơ sở tiếp thu một số quy định của Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC, đồng thời sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, chủ trương đơn giản hoá thủ tục hành chính (Điều 28, Điều 29).

- Bổ sung trách nhiệm báo cáo và mẫu báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; báo cáo kết quả thực hiện chính sách việc làm công; báo cáo kết

quả hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Điều 32).

- Bổ sung quy định về chuyển nguồn Quỹ quốc gia về việc làm thành nguồn ngân sách trung ương cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để phù hợp với Luật Việc làm năm 2025 (Điều 33).

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội thu hồi đối với các dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sử dụng không đúng mục đích trong thời gian vay vốn (khoản 1 Điều 34).

- Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với kinh phí trích từ tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa sử dụng hết (khoản 3 Điều 34).

- Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với Các hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động ở khu vực nông thôn; người lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; người lao động là thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (khoản 4 Điều 34).

3.4. Những nội dung lược bỏ

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm đề xuất lược bỏ một số nội dung so với quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, gồm:

- Lựa chọn dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công; Hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Hỗ trợ phát triển thị trường lao động ngoài nước; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp; Hỗ trợ thanh niên khởi sự doanh nghiệp; Sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm; Quản lý Quỹ quốc gia về việc làm; Sử dụng lãi vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Lý do: Những nội dung này không còn quy định tại Luật Việc làm 2025.

- Đối tượng hỗ trợ đào tạo nghề; Đối tượng vay vốn, nguyên tắc cho vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; Huy động nguồn vốn để thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Lý do: Những nội dung này đã được quy định tại Luật Việc làm năm 2025, không giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Giám sát việc thực hiện chính sách việc làm công của cộng đồng; Thu hồi và sử dụng vốn vay, xử lý nợ rủi ro vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, vốn vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với thanh niên. Lý do:

Những nội dung này đã được quy định tại các văn bản khác, không cần thiết quy định trong Nghị định.

- Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện chính sách việc làm công. Lý do: Những nội dung này đã được lồng ghép tại các điều khoản khác của dự thảo Nghị định.

3.5. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm đề xuất sửa đổi, bổ sung các thủ tục: cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các thông tin sẵn có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, giảm bớt một số giấy tờ không cần thiết nhằm đơn giản hoá thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận và hưởng các chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

3.6. Những nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định đề xuất phân cấp triệt để cho chính quyền địa phương trong việc thực hiện thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Điều 4; giao Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (*Nghị định số 61/2015/NĐ-CP giao Ngân hàng Chính sách địa phương thẩm định hồ sơ vay vốn; Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình phê duyệt hồ sơ vay vốn*); giao Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và xác nhận về tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của người lao động.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Nội dung Nghị định về cơ bản kế thừa các quy định có tính ổn định, đã được thực tế kiểm nghiệm tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ*). Những quy định trong Nghị định về cơ bản không làm phát sinh thêm các

yêu cầu phải đáp ứng nguồn lực về tài chính và nhân lực, mà chỉ cần sử dụng nguồn lực, bộ máy tổ chức hiện có tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền các nội dung cơ bản của Nghị định đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Các tài liệu khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CVL.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà